

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA PH MNG C TH CH  
KHOA I UD NG-K THU TY H C

**KHUNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH ÀO T O**  
**THEO H C CH TÍN CH**  
**KHÓA H C 2015-2019**  
**(C NHÂN I UD NG)**

THÀNH PH H CHÍ MINH - N M 2015

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ I H C

Tên chương trình: I U D NG

Trình độ: i h c

Ngành đào tạo: i u d ng

Mã ngành: 52720501

Hình thức đào tạo: Chính quy

## I. M C TIÊU ĐÀO TẠO:

### 1. M c tiêu chung:

Đào tạo Cử nhân Địa dư học có phẩm chất chính trị tốt, có óc sáng tạo, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và kỹ năng thực hành áp dụng các chu trình địa dư Việt Nam trình độ i h c, có sức khỏe, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, thực và nghiên cứu khoa học nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

### 2. Chuẩn đầu ra:

#### 2.1. Năng lực chăm sóc người bệnh

- Sử dụng kiến thức dựa trên bằng chứng và duy trì thái độ làm bệnh nhân an toàn và thoải mái cho cá nhân, gia đình, và cộng đồng.
- Xác định các vấn đề chăm sóc ưu tiên cá nhân và lập kế hoạch chăm sóc một cách độc lập.
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp quy chuẩn lập kế hoạch chăm sóc.
- Phát triển các chương trình giáo dục sức khỏe nhằm thúc đẩy kỹ năng tự quản lý và chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.
- Sử dụng các phương pháp, hình thức giao tiếp hiệu quả và thích hợp với người bệnh, người nhà người bệnh trên cơ sở tôn trọng sự đa dạng văn hóa, tín ngưỡng.

#### 2.2. Quản lý và phát triển năng lực chuyên môn

- Đánh giá năng lực làm việc và ưu nhược điểm phù hợp trên các thông tin phân tích từ nhu cầu khác nhau.
- Tích cực tìm kiếm các chứng cứ và cập nhật kiến thức khoa học cập nhật thông qua nghiên cứu và học tập.

- Phân bổ nguồn nhân lực và trang thiết bị phù hợp.
- Hợp tác tốt với các thành viên trong nhóm chuyên môn cùng cấp các dịch vụ chuyên môn phù hợp cho người bệnh và gia đình người bệnh.
- Khuyến khích, tham gia và đóng góp tích cực cho các nghiên cứu y học và phát triển các quy trình hàng đầu thực hành lâm sàng.
- Tích cực tạo điều kiện cho các thành viên trong nhóm chuyên môn phát triển năng lực chuyên môn.

### 2.3. Năng lực pháp lý và đạo đức

- Đảm bảo cung cấp cho người bệnh và gia đình người bệnh các dịch vụ chuyên môn toàn diện và phù hợp với văn hóa.
- Tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của người bệnh và gia đình người bệnh khi đưa ra các quyết định chuyên môn.
- Kết hợp chặt chẽ các quy định chuyên môn, pháp luật, đạo đức và thực hiện vào thực hành y học.
- Góp phần vào sự phát triển liên tục của ngành y học nghiên cứu y học và những chính sách của bệnh viện nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.

2.4. *Khả năng phát triển:* Có thể tiếp tục học sau khi tốt nghiệp: Thạc sĩ, tiến sĩ, y học chuyên khoa I, II.

**II. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** 04 năm

**III. KHỐI LƯỢNG KIỂM THỬ:** 140 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

**IV. ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH:** theo Quy chế tuyển sinh y học, cao đẳng y học chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### V. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

Theo quy chế đào tạo y học chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số .../2015/QĐ-TCHYKPNT ngày ... tháng ... năm 2015 của Hội đồng Trường y học y khoa Phạm Ngọc Thạch).

**VI. THANG ĐIỂM:**

Thang điểm 10 và quy định theo quy chế đào tạo đại học chính quy theo hình thức tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số .../2015/QĐ-T/HYKPNT ngày ... tháng ... năm 2015 của Hội đồng Trường Đại học Khoa học Phạm Ngọc Thạch).

## VII. NỘI DUNG CHI TIẾT NGÀNH TRÌNH

Cấu trúc kiến thức các ngành trình đào tạo:

TT	Chi tiết nội dung	TÍN CHỈ
1	<b>Kiến thức Giáo dục công dân</b> (chứa các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng) <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức công dân bắt buộc</li> <li>- Kiến thức công dân tự chọn</li> </ul>	<b>29</b>  27 02
2	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b> , trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiến thức cơ sở ngành</li> <li>+ Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</li> <li>+ Kiến thức chuyên ngành tự chọn</li> </ul>	<b>102</b>  34 62 06
3	<b>Thực tập thực nghiệm</b>	<b>04</b>
4	<b>Khoá luận thực nghiệm</b>	<b>05</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>140</b>

### 1. Kiến thức giáo dục công dân:

*Kiến thức giáo dục công dân bắt buộc:* 27 tín chỉ (TC), chứa các phần nội dung về Giáo dục thể chất (3 TC) và Giáo dục Quốc phòng – an ninh (7 TC).

TT	MS MH	TÊN MÔN HỌC/ H C PH N	Tổng s TC	Phân bố TC		Ghi chú
				LT	TH	
1.	110111	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 1	2	2	0	
2.	110211	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 2	3	3	0	
3.	110311	Tổng hợp Hồ Chí Minh	2	2	0	
4.	110411	Nguyên lý cách mạng của CSVN	3	3	0	
5.	110511	Ngoại ngữ 1	4	4	0	
6.	110611	Ngoại ngữ 2	3	3	0	

7.	110711	Tin học cơ bản	2	1	1	
8.	110811	Giáo dục thể chất*	3*			
9.	110911	Giáo dục Quốc phòng - An ninh*	7*			
10.	111011	Xác suất – Thống kê y học	2	2	0	
11.	111111	Hóa học	2	2	0	
12.	111211	Sinh học và Di truyền	2	2	0	
13.	111311	Vật lý và Lý sinh	2	2	0	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>27</b>	<b>26</b>	<b>1</b>	

## 2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 96 TC

### 2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: (34 TC)

TT	MÃ SỐ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC / HỌ TÊN	Phân bố TC			Ghi chú
			Tổng số TC	LT	TH	
14.	111411	Giải phẫu	3	2	1	
15.	111511	Mô phôi	2	1	1	
16.	111611	Sinh lý	3	2	1	
17.	111711	Hóa sinh	2	2	0	
18.	111811	Vi sinh vật	2	2	0	
19.	111911	Ký sinh trùng	2	2	0	
20.	112011	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	1	
21.	112111	Độc lý	3	3	0	
22.	112211	Dinh dưỡng - Tiết niệu	3	2	1	
23.	112311	Sức khỏe môi trường	2	2	0	
24.	112411	Đột biến học	2	2	0	
25.	112511	Pháp luật - Tố tụng Y tế	2	2	0	
26.	112611	Nghiên cứu khoa học – thực hành đưa vào giảng dạy	3	2	1	
27.	112711	Tâm lý y học – Y học	2	2	0	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>34</b>	<b>28</b>	<b>6</b>	

### 2.2. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc: (62 TC)

TT	MÃ S	TÊN MÔN HỌC/ H C PH N	Phân bổ tín chỉ			Ghi chú
			Tổng s TC	LT	TH	
28.	112811	Kỹ năng giao tiếp và Giáo dục sức khỏe trong thực hành y dược	4	2	2	
29.	112911	Y dược cơ sở 1	4	2	2	
30.	113011	Y dược cơ sở 2	4	1	3	
31.	113111	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành y dược	2	1	1	
32.	113211	Chẩn đoán sức khỏe y học lâm sàng có bệnh Nội khoa	5	5	0	
33.	113312	Thực hành chẩn đoán sức khỏe y học lâm sàng có bệnh Nội - Nhiễm	5	0	5*	
34.	113411	Chẩn đoán bệnh truyền nhiễm & chẩn đoán tích cực	2	2	0	
35.	113512	Thực hành chẩn đoán bệnh truyền nhiễm & chẩn đoán tích cực	2	0	2*	
36.	113611	Chẩn đoán sức khỏe y học cao tu dưỡng - Chẩn đoán sức khỏe tâm thần	3	3	0	
37.	113712	Thực hành chẩn đoán sức khỏe y học cao tu dưỡng - Chẩn đoán sức khỏe tâm thần	2	0	2*	
38.	113811	Chẩn đoán sức khỏe y học lâm sàng có bệnh Ngoại khoa	5	5	0	
39.	113912	Thực hành chẩn đoán sức khỏe y học lâm sàng có bệnh Ngoại khoa	4	0	4*	
40.	114011	Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chẩn đoán y dược	2	2	0	
41.	114112	Thực hành sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chẩn đoán y dược	2	0	2*	
42.	114211	Chẩn đoán sức khỏe trẻ em	2	2	0	

43.	114312	Th c hành ch m sóc s c kho tr em	2	0	2*	
44.	114411	Ch m sóc s c kh e ng i b nh truy n nhi m	2	2	0	
45.	114511	Ch m sóc cho ng i c n c ph ch i ch c n ng - YHCT	2	2	0	
46.	114612	Th c hành ch m sóc cho ng i c n c ph ch i ch c n ng - YHCT	2	0	2*	
47.	114711	Ch m sóc s c kho c ng ng và i u d ng gia ình	2	2	0	
48.	114812	Th c hành ch m sóc s c kho c ng ng + i u d ng gia ình	2	0	2*	
49.	114911	Qu n lý i u d ng	2	2	0	
		<b>T NG C NG</b>	<b>62</b>	<b>33</b>	<b>29</b>	

### 3. H c ph n t t nghi p: (9 TC)

TT	MÃ S	TÊN MÔN H C/ H C PH N	Phân b tín ch			Ghi chú
			T ng s TC	LT	TH	
50.	115011	Khóa lu n t t nghi p (ho c môn h c t ng h p thay th )	5	5	0	
51.	115112	Th c t t nghi p	4	0	4*	

### 4. Ki n th c giáo d c i c ng t ch n (SV ch n m t trong hai môn sau)

TT	MÃ S MÔN H C	TÊN MÔN H C/ H C PH N	Phân b TC			Ghi chú
			T ng s TC	LT	TH	
1.	110121	Tin h c nâng cao	2	1	1	
2.	110221	Ngo i ng 3	2	2	0	

**5. Kiến thức chuyên ngành t ch n (sv ch n 03 trong 11 môn sau)**

TT	MÃ S	TÊN MÔN H C/ H C PH N	Phân b TC			Ghi chú
			T ng s TC	LT	TH	
3.	110321	Ch m sóc s c kho ng i l n có b nh N i khoa nâng cao	2	2	0	
4.	110421	Ch m sóc s c kho ng i l n có b nh Ngo i khoa nâng cao	2	2	0	
5.	110521	Ch m sóc s c kh e ng i b nh truy n nhi m nâng cao	2	2	0	
6.	110621	Ch m sóc s c kho tr em nâng cao	2	2	0	
7.	110721	S c kho ph n , bà m , gia ình và Ch m sóc i u d ng nâng cao	2	2	0	
8.	110821	Ch m sóc ng i b nh c p c u & ch m sóc tích c c nâng cao	2	2	0	
9.	110921	CSSK chuyên khoa M t	2	1	1*	
10.	111021	CSSK chuyên khoa Tai M i H ng	2	1	1*	
11.	111121	CSSK chuyên khoa R ng Hàm M t	2	1	1*	
12.	111221	CSSK chuyên khoa Đa Li u	2	1	1*	
13.	111321	CSSK c ng ng nâng cao	2	2	0	

**VIII. MÔ T TÓM T T N IDUNG H C PH N**

**1. KH I KI N TH C GIÁO D C I C NG**

**(11011). NH NG NGUYÊN LÝ C B N C A CH NGH A MÁC – LÊNIN 1 2(2.0)**

N i dung theo ch ng trình các môn Lý lu n chính tr trình i h c, cao ng dùng cho sinh viên kh i không chuyên ngành Mác-Lênin, T t ng H Chí Minh ban hành kèm theo Quy t nh s 52/2008/Q -BGD T ngày 18/9/2008 c a B tr ng B Giáo d c và ào t o.

**(110211). NH NG NGUYÊN LÝ C B N C A CH NGH A MÁC – LÊNIN 2 3(3.0)**



Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên không chuyên ngành Mác-Lênin, Trường Học Chính Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**(110311).T T NG H CHÍ MINH 2(2.0)**

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên không chuyên ngành Mác-Lênin, Trường Học Chính Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**(110411). N G L I C M C A N G C N G S N V I T N A M 3(3.0)**

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên không chuyên ngành Mác-Lênin, Trường Học Chính Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**(110511).N G O I N G 1 4(4.0)**

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với các tài liệu chuyên ngành y; sinh viên có thể áp dụng tham gia các tài liệu y văn ngành. Yêu cầu trình trung cấp về kỹ năng sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

**(110611).N G O I N G 2 3(3.0)**

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành các môn học: Ngoại Ngữ 1

Môn học này được xây dựng dựa trên nền tảng tiếng Anh y khoa cơ bản của ngành điều dưỡng sinh viên đã có tầm 1. Kiến thức sinh viên nhận được từ môn học này liên quan đến tiếng Anh điều dưỡng chuyên sâu hơn vào các chuyên ngành. Sinh viên sẽ tiếp tục trung cấp kỹ thuật điều dưỡng và Việt.

**(110221).N G O I N G 3 2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành các môn học: Ngoại Ngữ 1 & 2

Môn học này được xây dựng dựa trên nền tảng tiếng Anh y khoa cơ bản của ngành điều dưỡng sinh viên đã có tầm hai học phần trước. Kiến thức sinh viên nhận được từ môn học này liên quan đến tiếng Anh điều dưỡng chuyên sâu hơn vào các chuyên ngành. Sinh viên sẽ tiếp tục trung cấp kỹ thuật điều dưỡng và Việt.

**(110711).T I N H C I C N G 2(1.1)**

Nội dung gồm môn tin học và máy tính. Số nội dung hoàn chỉnh bằng Word; sử dụng Excel hoặc FoxPro nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng các dịch vụ của Internet

**(110121). TIN HỌC NÂNG CAO 2(1.1)**

Điều kiện tiên quyết: Tin học Y học

Môn học tập trung chú ý vào những ứng dụng của phần mềm SPSS trong quản lý và phân tích số liệu.

**(111011).XÁC SUẤT THỐNG KÊ Y HỌC 2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Tin học Y học

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; X lý các số liệu thống kê; ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm xử lý các thông tin Y học phục vụ công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học

**(111111).HÓA HỌC 2(2.0)**

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về hoá học, hoá học, hoá phân tích và các ứng dụng công nghệ y học của chúng. Giới thiệu về các quá trình hoá học xảy ra trong cơ thể sống.

**(111211).SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN 2(2.0)**

Nội dung gồm kiến thức về sinh học phân tử, sinh học tế bào, sinh học phát triển; kiến thức về vai trò của di truyền y học, các bệnh của các nhóm bệnh di truyền chính.

**(111311).VẬT LÝ VÀ LÝ SINH 2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền, Hóa học

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về sóng điện từ trên cơ thể sống; sóng âm và siêu âm; quang sinh học; âm và siêu âm; phóng xạ sinh học. Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể

**2. KHÍ KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**

**2.1. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH**

**(111411).GIỚI THIỆU 3(2.1)**

Nội dung gồm những kiến thức về các giới thiệu về các bộ phận, chức năng trong cơ thể người; kiến thức về chức năng, hoạt động của các cơ quan và mối liên hệ ví dụ hệ tuần hoàn và áp dụng vào việc học tập các môn học của ngành y học.

**(111511).MÔ PHÔI 2(1.1)**

í u kí n tiên quy t: Sinh h c và di truy n.

N i dung mô t c u trúc vi th c a các mô, các b ph n ch y u c a các c quan trong c th ng i bình th ng; m i liên quan gi a c u t o và ch c n ng c a các mô và các c quan. S hình thành và phát tri n c a phôi thai ng i bình th ng và m t s d d ng b m sinh th ng g p và ng d ng vào vi c h c t p các môn h c c a ngành i u d ng.

### **(111611).SINH LÝ**

**3(2.1)**

í u kí n tiên quy t: Gi i ph u, lý sinh, hoá h c

N i dung g m kí n th c c b n v ch c n ng, ho t ng c a các c quan, h th ng các c quan trong c th con ng i và i u hòa ch c n ng trong m i liên h th ng nh t gi a chúng v i nhau và gi a c th v i môi tr ng. V n d ng nh ng kí n th c v sinh lý h c gi i thích m t s r i lo n ch c n ng và ng d ng vào vi c h c t p các môn h c c a ngành i u d ng.

### **(111711).HÓA SINH**

**2(2.0)**

í u kí n tiên quy t: Hóa h c

N i dung g m nh ng kí n th c c b n và có h th ng v hóa sinh: Các sinh ch t ch y u và chuy n hóa c a chúng t bào c a c th s ng; các nguyên t c, cách xác nh và ý ngh a m t s xét nghi m hóa sinh lâm sàng thông th ng. V n d ng nh ng kí n th c hóa sinh vào vi c h c t p các môn h c khác c a ngành i u d ng.

### **(111811).VI SINH V T**

**2(2.0)**

í u kí n tiên quy t: Sinh h c và Di truy n

N i dung g m c i m c b n v hình d ng, c u trúc, nuôi c y, kháng nguyên và mi n d ch c a vi sinh v t y h c; m i quan h c a vi sinh v t v i môi tr ng và c th con ng i, kh n ng và c ch gây b nh c a vi sinh v t; nguyên t c phòng và ch ng vi sinh v t gây b nh; các ph ng pháp xét nghi m vi sinh v t gây b nh. V n d ng nh ng kí n th c vi sinh v t vào vi c h c t p các môn h c khác c a ngành i u d ng

### **(111911).KÝ SINH TRÙNG**

**2(2.0)**

í u kí n tiên quy t: Sinh h c và Di truy n

N i dung bao g m nh ng kí n th c c b n v c i m sinh h c, hình th , c u t o, c i m sinh lý, sinh thái và chu k phát tri n và c i m d ch t h c c a m t s lo i ký sinh trùng ch y u Vi t Nam; c i m c b n v b nh h c, nguyên t c và bi n pháp phòng

ch ng ký sinh trùng; m i liên quan gi a ký sinh trùng và s c kh e c ng ng. V n d ng nh ng ki n th c v ký sinh trùng vào vi c h c t p các môn h c khác c a ngành i u d ng

**(112011).SINH LÝ B NH – MI N D CH 3(2.1)**

i u ki n tiên quy t: Sinh lý

N i dung g m các quy lu t ho t ng c a các c quan, h th ng c quan b b nh, các quá trình b nh lý i n hình – quy lu t ho t ng c a b nh nói chung; h th ng các c quan và t bào tham gia vào áp ng mi n d ch; các giai o n, các y u t tham gia vào s hình thành áp ng mi n d ch c a c th ; vai trò c a h th ng mi n d ch c hi u và không c hi u trong kh n ng kháng, phòng ch ng b nh t t c a c th ; nh ng i m c b n nh t v c ch r i lo n áp ng mi n d ch trong b nh lý quá m n, thi u n ng mi n d ch và t m i n. V n d ng ki n th c Sinh lý b nh-Mi n d ch vào vi c h c t p các môn i u d ng và ch m sóc ng i b nh.

**(112111).D C LÝ 3(3.0)**

i u ki n tiên quy t: Hóa sinh, sinh lý

N i dung g m các ki n th c c b n v ho t ng c a thu c trong c th ng i bao g m các nguyên lý d c ng h c nh : h p thu, phân b , chuy n hóa, bài ti t, tác d ng mong mu n và không mong mu n, c ch tác d ng và cách s d ng c a m t s thu c th ng dùng. Nh n bi t hình d ng, tính ch t, tác d ng c a m t s thu c c b n; V n d ng c nh ng hi u bi t v thu c vào vi c s d ng thu c an toàn cho ng i b nh.

**(112211).DINH D NG – TI T CH 3(2.1)**

i u ki n tiên quy t: Sinh lý, hoá sinh

N i dung bao g m nh ng ki n th c v khoa h c dinh d ng và khoa h c th c ph m m b o nhu c u dinh d ng cho các i t ng c ng ng; các ki n th c ánh giá và giám sát dinh d ng trong theo dõi và phát hi n nh ng v n dinh d ng c ng ng; xây d ng kh u ph n n, ti t ch dinh d ng; các ki n th c c b n v an toàn v sinh th c ph m; V n d ng ki n th c v Dinh d ng-Ti t ch vào th c t ch m sóc ng i b nh và c ng ng, m b o an toàn v sinh th c ph m và phù h p v i v n hoá c a ng i b nh và c ng ng.

**(112311).S C KH E MÔI TR NG 2(2.0)**

i u ki n tiên quy t: Các môn c s ngành

N i dung g m nh ng ki n th c c b n v s c kho , v ph ng pháp, n i dung, ph ng ti n, các k n ng nâng cao s c kho ; các khái ni m c b n v hành vi con ng i; m i liên

quan hệ giữa hành vi con người với các vấn đề xã hội, vai trò của nâng cao xã hội trong  
chính sách, báo và nâng cao xã hội cho cá nhân và cộng đồng.

**(112411).Đ CHT H C**

**2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê y học

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về nguyên tắc và nội dung chính của dịch tễ học và  
ứng dụng các nguyên tắc này trong chính sách xã hội; Các chỉ số xã hội chủ yếu của cộng  
đồng, cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; Mô tả và phân tích tình trạng xã  
hội của cộng đồng dân cư; Phân tích các mô hình dịch tễ học và bệnh truyền nhiễm theo  
quy mô trong cộng đồng; Nguyên tắc điều tra, kiểm soát mầm bệnh; Ứng dụng các mô hình thống  
kê nghiên cứu dịch tễ học trong các nghiên cứu xã hội.

**(112511).PHÁP LUẬT – T C H C Y T**

**2(2.0)**

Nội dung gồm kiến thức chung về nhà nước và pháp luật; những quy định pháp  
luật liên quan đến lĩnh vực chính sách xã hội và hành nghề điều dưỡng. Kiến thức về  
thống kê, quản lý và hoạt động của ngành Y tế nói chung và của ngành điều dưỡng Việt  
Nam. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức quản lý của ngành điều dưỡng và hoạt động của  
điều dưỡng.

**(112611).NCKH – T C HÀNH ĐỘNG VÀO B N G C H N G**

**3(2.1)**

Điều kiện tiên quyết: Xác suất – thống kê y học.

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và cách thức tiến hành  
nghiên cứu khoa học điều dưỡng. Mục đích phương pháp thực hành nghiên cứu khoa học  
điều dưỡng và chất lượng chính sách ngành y tế; Nhận xét, đánh giá các báo cáo, tài liệu nghiên  
cứu khoa học về điều dưỡng. Phương pháp trình bày nội dung nghiên cứu khoa học về  
điều dưỡng.

**(112711).TÂM LÝ Y H C – Y C**

**2(2.0)**

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về Tâm lý và Tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của  
thống kê y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định  
chung của Việt Nam và Quốc tế.

**2.2 KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**

**(112811).KNGT VÀ GDSK TRONG TH C HÀNH ĐI U D N G**

**4(2.2)**

Hệ phân kỹ năng giao tiếp: Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp  
hiệu quả trong các tình huống giao tiếp khác nhau; hình thành phong cách và kỹ thuật giao  
tiếp lý tưởng về bệnh là trung tâm

Hệ thống giáo dục sức khỏe: Nội dung giảng dạy kỹ năng thực hành y pháp, nội dung, phương pháp giảng dạy, các kỹ năng giáo dục sức khỏe, vai trò của người điều dưỡng trong việc nâng cao sức khỏe và chất lượng cá nhân, gia đình và cộng đồng; lịch sử ngành y pháp, phương pháp, phương pháp và kỹ năng truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng.

**(112911). I U D NG C S 1 4(2.2)**

Điều kiện tiên quyết: Các hệ thống kỹ năng thực hành.

Nội dung bao gồm kỹ năng thực hành lâm sàng; mô hình, nguyên tắc và các chức năng hành động; mô hình, nguyên tắc phát triển; các hệ thống điều dưỡng; quy trình điều dưỡng; thực hành các kỹ thuật thực hành trong chăm sóc người bệnh.

**(113011). I U D NG C S 2 4(1.3)**

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành các môn học giải phẫu, sinh lý, kỹ thuật chăm sóc người bệnh, vi sinh, ký sinh

Môn học này cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật chăm sóc người bệnh thực hành lâm sàng, tiêu hóa, tim mạch, nội tiết, dinh dưỡng, da liễu, hô hấp và x lý các dấu hiệu thực hành. Sinh viên thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh, đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh dùng thuốc, truyền máu và chăm sóc ứng dụng các loại vật thể thực hành cho người bệnh. Áp dụng các kỹ năng thực hành vào chăm sóc người bệnh trên lâm sàng.

**(113111). KI M SOÁT NHI M KHU N TRONG TH C HÀNH D 2(1.1)**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng thực hành.

Nội dung giảng dạy kỹ năng thực hành lâm sàng; an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện; các nhiệm vụ chăm sóc người bệnh; các quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh, sử dụng bệnh lý liên quan đến người bệnh; vai trò của người điều dưỡng trong kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

**(113211). CSSK NG I L N C Ó B NH N I KHOA**

**5(5.0)**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng thực hành, Giao tiếp trong thực hành điều dưỡng, Kỹ thuật chăm sóc người bệnh trong thực hành điều dưỡng.

Nội dung bao gồm kỹ năng thực hành lâm sàng; chăm sóc sức khỏe cho người bệnh lâm sàng các bệnh nội khoa và chuyên khoa khác.

**(113312). TH C HÀNH CSSK NG I L N B NH N I – NHI M 5(0.5)**

ì u kí n tiên quy t: ì u đ ñng c b n, Giao tí p trong th c hành ì u đ ñng, Kì m soáat nhi m khu n trong th c hành ì u đ ñng.

N ì dung bao g m nh ñng kí n th c c b n v ch m sóc s c kh e cho ñng ì l ñ m c các b nh n ì khoa và chuyên khoa h ñ i; th c hi ñ các k thu t và quy trình ch m sóc s c kh e ñng ì l ñ có b nh n ì – nhi m.

**(113411). CS NG Ì B NH C P C U – CH M SÓC TÍCH C C 2(2.0)**

ì u kí n tiên quy t: Ch m sóc s c kho ñng ì l ñ b nh N ì khoa.

N ì dung bao g m nh ñng kí n th c c b n v ch m sóc ñng ì b nh trong tình tr ñng c p c u, ñng k ch và ch m sóc c bi t; th c hi ñ các k thu t và quy trình ch m sóc ñng ì b nh trong các tr ñng h p c p c u, ñng k ch, ch m sóc c bi t.

**(113512).TH C HÀNH CS NG Ì B NH C P C U VÀ CS TÍCH C C 2(0.2)**

ì u kí n tiên quy t: Ch m sóc s c kho ñng ì l ñ b nh N ì khoa.

N ì dung bao g m nh ñng kí n th c c b n v ch m sóc ñng ì b nh trong tình tr ñng c p c u, ñng k ch và ch m sóc c bi t; th c hi ñ các k thu t và quy trình ch m sóc ñng ì b nh trong các tr ñng h p c p c u, ñng k ch, ch m sóc c bi t.

**(113611). CSSK NG Ì CAO TU Ì – CSSK TÂM TH N 3(3.0)**

ì u kí n tiên quy t: Ch m sóc s c kho ñng ì l ñ b nh N ì khoa.

Cung c p nh ñng kí n th c c b n v nh ñng thay ì v tâm sinh lý và các v n s c kh e c a ñng ì cao tu ì; Nhu c u ch m sóc c a ñng ì cao tu ì và vai trò c a ñng ì ì u đ ñng. Nh ñng kí n th c c b n v s c kh e tâm th n và ch m sóc s c kh e tâm th n; các ph ñng pháp tr ì ì u, ch m sóc cho ñng ì m c các b nh tâm th n

**(113712).TH C HÀNH CH M SÓC S C KH E NG Ì CAO TU Ì – CH M SÓC S C KH E TÂM TH N 2(0.2)**

ì u kí n tiên quy t: Ch m sóc s c kho ñng ì l ñ b nh N ì khoa.

Cung c p nh ñng kí n th c c b n v nh ñng thay ì v tâm sinh lý và các v n s c kh e c a ñng ì cao tu ì; Nhu c u ch m sóc c a ñng ì cao tu ì và vai trò c a ñng ì ì u đ ñng. Th c hi ñ các k thu t và quy trình ch m sóc ì u đ ñng cho ñng ì cao tu ì – ñng ì có b nh v s c kh e tâm th n

**(113811). CSSK NG Ì L ñ N CỐ B NH NGO Ì KHOA 5(5.0)**

ì u kí n tiên quy t: ì u đ ñng c b n, Giao tí p trong th c hành ì u đ ñng, Kì m soáat nhi m khu n trong th c hành ì u đ ñng.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chương trình xã hội học cho ngành y tế và các ngành khoa học và chuyên ngành khác; Trình bày các kỹ thuật và quy trình chương trình xã hội học.

**(113912). TH C HÀNH CSSK NG I L N CỐ B NH NGO I KHOA 4(0.4)**

Điều kiện tiên quyết: Điều kiện cơ bản, Giao tiếp trong thực hành điều dưỡng, Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chương trình xã hội học cho ngành y tế và các ngành khoa học và chuyên ngành khác; Trình bày các kỹ thuật và quy trình chương trình xã hội học.

**(114011). S C KH E PH N , BÀ M , GIA ÌNH VÀ CH M SÓC I U D NG 2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Điều kiện cơ bản, Chương trình xã hội học ngành y tế và ngành y tế, Khoa, Ngành y tế.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chương trình xã hội học, sức khỏe phụ nữ, sức khỏe phụ nữ khi có thai, trước và sau khi sinh và thời kỳ mãn kinh. Trình bày các kỹ thuật và quy trình chương trình xã hội học cơ bản về Sản-Phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình;

**(114112). TH C HÀNH S C KH E PH N , BÀ M , GIA ÌNH VÀ CH M SÓC I U D NG 2(0.2)**

Điều kiện tiên quyết: Điều kiện cơ bản, Chương trình xã hội học ngành y tế và ngành y tế, Khoa, Ngành y tế.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chương trình xã hội học, sức khỏe phụ nữ, sức khỏe phụ nữ khi có thai, trước và sau khi sinh và thời kỳ mãn kinh. Trình bày các kỹ thuật và quy trình chương trình xã hội học cơ bản về Sản-Phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình;

**(114211). CH M SÓC S C KH E TR EM 2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Điều kiện cơ bản, Chương trình xã hội học ngành y tế và ngành y tế, Khoa, Ngành y tế.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sinh lý, bệnh lý trẻ em trong các giai đoạn phát triển của trẻ; chương trình xã hội học trẻ em.

**(114312). TH C HÀNH CH M SÓC S C KH E TR EM 2(0.2)**

Điều kiện tiên quyết: Điều kiện cơ bản, Chương trình xã hội học ngành y tế và ngành y tế, Khoa, Ngành y tế.



Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về các lĩnh vực sinh lý, bệnh lý trẻ em trong các giai đoạn phát triển của trẻ; chẩn đoán lâm sàng trẻ em; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chẩn đoán nhi khoa.

**(114411). CSSK NGÀNH Y HỌC NỘI TRUYỀN NHI M 2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Điều kiện cơ bản, Chẩn đoán lâm sàng nhi khoa, Nội khoa, Ngoại khoa.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về bệnh truyền nhiễm, chẩn đoán lâm sàng bệnh truyền nhiễm.

**(114511). CS CHO NGÀNH Y HỌC NỘI TRUYỀN NHI M C PHCN - YHCT**

**2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Điều kiện cơ bản, Chẩn đoán lâm sàng nhi khoa, Ngoại khoa, Kiến thức cơ sở ngành và cơ sở ngành

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về phòng chống nhiễm trùng; mô tả phương pháp vật lý trị liệu và phòng chống nhiễm trùng; vai trò, nhiệm vụ của người điều dưỡng trong quá trình chẩn đoán lâm sàng bệnh nhiễm trùng và công tác điều dưỡng vật lý trị liệu và phòng chống nhiễm trùng.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận Y học truyền nhiễm: Mô tả phương pháp chẩn đoán Y học truyền nhiễm;

**(114612). THỰC HÀNH CHẨN ĐOÁN LÂM SÀNG CHO NGÀNH Y HỌC NỘI TRUYỀN NHI M C PHCN - YHCT 2(0.2)**

Điều kiện tiên quyết: Điều kiện cơ bản, Chẩn đoán lâm sàng nhi khoa, Ngoại khoa.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về phòng chống nhiễm trùng; Mô tả phương pháp vật lý trị liệu và phòng chống nhiễm trùng; thực hiện các mô tả phương pháp vật lý trị liệu và phòng chống nhiễm trùng. Ứng dụng các mô tả phương pháp chẩn đoán lâm sàng, bệnh và nâng cao sức khỏe bệnh Y học truyền nhiễm.

**(114711). CSSK CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ 2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Điều kiện cơ bản, Chẩn đoán lâm sàng nhi khoa, Ngoại khoa.

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về chẩn đoán lâm sàng và chẩn đoán lâm sàng bệnh; các phương pháp chẩn đoán lâm sàng bệnh và vai trò, nhiệm vụ của người điều dưỡng trong chẩn đoán lâm sàng bệnh.

Cung cấp kiến thức cơ bản về những cách tiếp cận và ứng dụng gia đình. Thông qua môn học này sẽ giúp cho sinh viên nắm vững các kiến thức và kỹ năng trong công tác xã hội nhân văn và tư vấn tâm lý cho sinh viên trong công tác xã hội nhân văn gia đình.

**(114812). THỰC HÀNH CSSK CÔNG TÁC XÃ HỘI VÀ TƯ VẤN GIA ĐÌNH 2(0.2)**

Điều kiện tiên quyết: Ứng dụng công tác xã hội, Công tác xã hội lâm sàng, Khoa, Ngoại khoa.

Trọng tâm của môn học là sẽ giúp sinh viên nắm vững các kiến thức và kỹ năng trong việc lập kế hoạch công tác xã hội cho các cá nhân, gia đình và cộng đồng. Đặc biệt các kỹ thuật và quy trình công tác xã hội ứng dụng các kỹ năng.

Ngoài ra, môn học này còn giúp cho sinh viên có khả năng nhận thức và lập kế hoạch công tác xã hội, theo dõi các vấn đề xã hội. Đặc biệt, sinh viên sẽ phát triển khả năng trong công tác xã hội, khả năng trong phân tích, khả năng trong quản lý, dự phòng nâng cao các kỹ năng cho công tác xã hội và công tác xã hội.

**(114911). QUẢN LÝ ỨNG DỤNG 2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Ứng dụng công tác xã hội.

Nội dung giảng dạy khái niệm cơ bản về khoa học quản lý nói chung và quản lý y tế; vận dụng kiến thức về quản lý y tế vào trong các hoạt động quản lý ứng dụng; đặc biệt chú trọng, nhiệm vụ quản lý ứng dụng trong hệ thống quản lý ứng dụng; phát triển khả năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm công tác xã hội lâm sàng. Hiểu và quản lý các quan hệ liên quan về ứng dụng trong hệ thống Y tế và cộng đồng. Phát triển khả năng thi tập môi trường làm việc an toàn.

**(110321). CSSK NGÀNH Y LÂM SÀNG CÓ BẰNG NHIỆM NÂNG CAO 2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu và Sinh lý người

Nội dung bao gồm kiến thức cơ bản về công tác xã hội lâm sàng cho ngành y tế và các bệnh nhân nội khoa và chuyên khoa khác; quy trình công tác xã hội lâm sàng nâng cao.

**(110421). CSSK NGÀNH Y LÂM SÀNG CÓ BẰNG NGOẠI KHOA NÂNG CAO 2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu học, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Ứng dụng công tác xã hội 1, 2, Kiểm soát nhiễm khuẩn, Công tác xã hội lâm sàng ngành y tế, ngoại khoa, Dược.

Môn học này sẽ xây dựng dựa trên kiến thức ứng dụng thực tế cho việc công tác xã hội, thực hành công tác xã hội ứng dụng phòng ngừa. Nhận thức và đặc biệt các quy trình, thao tác công tác xã hội lâm sàng, trong, sau mổ, điều trị ứng dụng phân tích trên công tác xã hội, tình trạng lâm sàng và các nhu cầu công tác xã hội lâm sàng.

Thông qua môn học này, sinh viên sẽ phát triển những kỹ năng cần thiết nhằm nâng cao năng lực tư duy, phân tích và hợp tác với các nhân viên y tế khác.

**(110521). CSSK NGHĨA TRUYỀN NHIỆM NÂNG CAO 2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh, Ký sinh, Kiểm soát nhiễm khuẩn, Điều dưỡng cơ bản

Môn học này nhằm cung cấp kiến thức về bệnh truyền nhiễm, quy trình chăm sóc, nâng đỡ giúp sinh viên biết cách giáo dục sức khỏe, phòng ngừa bệnh truyền nhiễm cho bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân và cộng đồng.

**(110621). CSSK TRẪM NÂNG CAO 2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý, Giải phẫu, Dược, Điều dưỡng cơ bản, Y học.

Môn học này sẽ xây dựng dựa trên kiến thức cơ bản về điều dưỡng để nâng cao về lâm sàng. Thông qua môn học này sẽ giúp cho sinh viên có những kiến thức chuyên sâu về các bệnh lý thường gặp. Ngoài ra, môn học này còn giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết và lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện theo dõi, bệnh cấp tính và mãn tính nội khoa, bệnh nhi khoa. Tóm lại, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng trong chăm sóc, kỹ năng trong phân tích, kỹ năng trong quản lý tư vấn bệnh nhân và thực hiện nâng cao chất lượng chăm sóc cho bệnh nhân tại các cơ sở khám và chữa bệnh.

**(110721). CSSK PHỤ NỮ, BÀ MẸ, GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG NÂNG CAO 2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa, CSSK phụ nữ, bà mẹ, gia đình và chăm sóc Đ

Cung cấp các kiến thức nâng cao và thái độ về chăm sóc bà mẹ, trẻ em và công tác điều dưỡng sinh.

**(110821) CSNGHĨA NHẬN PHẠM VI VÀ CẢM THỨC CỘNG ĐỒNG NÂNG CAO 2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý, Giải phẫu, Dược, Điều dưỡng cơ bản, Y học.

Môn học này sẽ xây dựng dựa trên kiến thức cơ bản về điều dưỡng để nâng cao về lâm sàng. Thông qua môn học này sẽ nắm vững các kiến thức về hệ thống y tế và nâng cao tầm nhìn giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết và lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện theo dõi hệ thống y tế.

**(110921). CSSK CHUYÊN KHOA MẪU 2(1.1)**

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành môn học Giải phẫu

Môn học này sẽ xây dựng dựa trên chuyên ngành lâm sàng để nâng cao kiến thức về chuyên ngành m t. Yêu cầu năng lực liên quan chuyên ngành m t.

**(111021). CSSK CHUYÊN KHOA TAI-M I-H NG 2(1.1)**

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành môn học Giáo dục

Môn học này được xây dựng dựa trên chu trình công nghệ nhân lực ngành khoa học và yêu cầu của ngành liên quan chuyên ngành Tai M i H ng.

**(111121) CSSK CHUYÊN KHOA R NG HÀM M T 2(1.1)**

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành các môn học Cơ sở ngành

Học phần R ng Hàm M t cung cấp kiến thức về r ng và các bệnh lý cơ bản thường gặp. Dự đoán và các nguyên nhân phòng, các chứng trình nha khoa công nghệ và các biện pháp chẩn đoán sức khỏe răng miệng cho cá nhân và cho cộng đồng.

**(111221) CSSK CHUYÊN KHOA DA LI U 2(1.1)**

Điều kiện tiên quyết: Mô phôi, Vi sinh, Ký sinh, N i, Ngo i,

Môn học này nhằm cung cấp kiến thức và phát triển kỹ năng chẩn đoán bệnh nhân Da liễu của học viên điều dưỡng. Sau khi học xong môn học này, học viên có các kiến thức về quy trình chẩn đoán điều dưỡng cho bệnh nhân về mặt bệnh lý da liễu thường gặp.

**(111321). CSSK C NG NG NÂNG CAO 2(2.0)**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chẩn đoán sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngo i khoa, CSSK người bệnh công nghệ – D gia ình.

Nội dung gồm những kiến thức nâng cao về sức khỏe công nghệ và chẩn đoán sức khỏe công nghệ; các phương pháp chẩn đoán sức khỏe công nghệ và vai trò, nhiệm vụ của người điều dưỡng trong chẩn đoán sức khỏe công nghệ.

**(115011). KHÓA LU N T T NGHI P**

**(MÔN HỌC T NGHI P THAY TH )**

**5(5.0)**

Điều kiện tiên quyết: Nhóm sinh viên tốt nghiệp lên nhóm không quá ¼ trên tổng số sinh viên có điểm tích lũy cao nhất của khóa học;

Không còn nợ ( điểm F) bất kỳ học phần nào trong khóa chuyên ngành;

Không được phép nợ quá 2 môn học và/hoặc các nhóm ngành.

**(115112). TH C T T T NGHI P**

**4(0.4)**

Thực tập tốt nghiệp thực hiện vào cuối khóa học, trước khi thi tốt nghiệp giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản nhằm đánh giá các mô hình thực tế, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích các chức năng nhiệm vụ, vai trò của người điều dưỡng viên, người điều dưỡng trẻ khoa, người điều dưỡng bệnh viện, lập và thực hiện các hồ sơ chẩn đoán bệnh nhân cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá các mô hình quản lý sức khỏe công nghệ, mô tả và đánh giá các quy trình vô khuẩn, vệ sinh bệnh viện;

t th c t t t nghi p s c ng c k n ng t duy th u áo và k n ng gi i quy t v n ;  
k n ng qu n lý và lãnh o, ho t ng nhóm hi u qu và an toàn; Phát tri n k n ng duy trì  
các m i quan h h p tác nh m xây d ng nhóm ch m sóc s c kho hi u qu ; Ch m sóc l y  
b nh nhân và gia ình làm trung tâm trong các môi tr ng ch m sóc khác nhau; Hi u và  
qu ng bá quan i m úng v i u d ng trong h th ng Y t và c ng ng.